

tốc độ dòng: 0,2 mL/phút, thể tích tiêm: 1 μ L. Phương pháp của chúng tôi đã trình bày kết quả khả quan về độ nhạy, độ chính xác và độ thu hồi của ba loại hormon phân tích định lượng. Phương pháp có độ đúng đạt yêu cầu (dao động trong khoảng từ 96,36 - 103,03%, 99,96 - 104,17% và 99,87-102,98% đều nằm trong khoảng 85 - 115% và độ lặp lại với giá trị CV% < 15%, độ chính xác cao với giá trị CV% từ 6,16 - 8,75%. Tỷ lệ thu hồi cao của phương pháp đạt từ 87,26% - 95,80%. Độ nhiễu chéo và độ ổn định đáp ứng các yêu cầu về phân tích.

Số liệu của bài báo là một phần kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Nhà nước "Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật MS-MS độ nhạy cao và Multiplex Realtime PCR thế hệ mới để phát hiện tác nhân hóa học và sinh học gây hại sức khỏe trong một số thực phẩm", mã số đề tài ĐTĐL.CN-06/19

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ Y tế (2018)**, Dược thư quốc gia Việt Nam, NXB Y học.
2. **Jaekyu Shin., Daniel F. Pauly., Julie A. Johnson., Reginal F. Frye (2008)**, "Simplified method for determination of clarithromycin in human plasma using protein precipitation in a 96 - well format and liquid chromatography - tandem mass spectrometry", Journal of Chromatography B 871, pp.130 - 134.
3. **Xiumei Lu., Lingyun Chen., Dong Wang., Juan Liu., Yanjuan Wang., Famei Li (2008)**, "Quantification of Clarithromycin in Human Plasma by UPLC - MS - MS", Shenyang Pharmaceutical University, June 2008.
4. **Syed N Alvi., Saleh Al Dgither and Muhamad M Hammami (2016)**, "Rapid Determination of Clarithromycin in Human Plasma by LCMS/MS Assay", Pharmaceutical Analytical Chemistry Open Access, pp 2471 - 2695.
5. **Guidance for industry** - Bioanalytical method validation, FDA 2018.
6. **Guidance** on Bioanalytical method validation, EMA 2012.

HIỆU QUẢ ĐIỀU TRỊ NHẠY CẢM NGÀ CỦA KEM ĐÁNH RĂNG SENSITIVE MINERAL EXPERT BY P/S Ở SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Trần Thị Ngọc Anh*, Đinh Diệu Hồng*, Trịnh Đình Hải*,
Vũ Lê Phương*, Trương Thị Mai Anh*, Đỗ Thị Thu Hương*

TÓM TẮT

Mục tiêu: Nhận xét hiệu quả điều trị nhạy cảm ngà của kem đánh răng Sensitive Mineral Expert By P/S ở sinh viên Trường Đại học Y Dược - Đại học Quốc Gia Hà Nội. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** 33 sinh viên Trường Đại học Y Dược - Đại học Quốc Gia Hà Nội với 82 răng nhạy cảm ngà tham gia nghiên cứu. Tiến hành nghiên cứu can thiệp lâm sàng không đối chứng. **Kết quả:** Tỷ lệ ê buốt răng giảm 89% sau 4 tuần can thiệp.

Từ khóa: nhạy cảm ngà, kem đánh răng, Sensitive Mineral Expert By P/S

SUMMARY

EFFECTIVENESS OF SENSITIVE MINERAL EXPERT BY P/S TOOTHPASTE IN TREATING DENTINE HYPERSENSITIVITY OF STUDENTS OF VNU UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY

Objective: The aim to assess the effect of Sensitive Mineral Expert By P/S toothpaste in reducing dentine hypersensitivity of students. **Subjects and method:** 33 students of VNU University of Medicine and Pharmacy with 82 sensitive teeth were included in this study. We conducted a prospective, descriptive study. **Results:** After 4 weeks of intervention, the rate of sensitive tooth decreased by 89%.

Keywords: dentine hypersensitivity, tooth sensitivity, sensitive tooth, toothpaste, Sensitive Mineral Expert By P/S.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhạy cảm ngà là cơn đau nhói thoáng qua xuất hiện trên phần ngà bị lộ khi gặp các kích thích ngoại lai như: kích thích nhiệt, thổi hơi, cọ xát, thẩm thấu hay hoá học mà không do bệnh lý hoặc khiếm khuyết răng miệng nào khác và ở răng bình thường thì mức kích thích đó không đủ gây đau (ADHA, 2001). Bên cạnh bệnh sâu răng và bệnh viêm quanh răng, thì nhạy cảm ngà đang là mối quan tâm hàng đầu của bác sĩ Răng Hàm Mặt.^{1,2} Nhạy cảm ngà không được điều trị có thể dẫn đến các thay đổi về hành vi để tránh đau như bỏ qua hay né tránh việc vệ sinh răng miệng, không tuân thủ sự hướng dẫn chăm sóc

*Trường Đại học Y Dược - Đại học Quốc gia Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Đinh Diệu Hồng

Email: dieuhong201@gmail.com

Ngày nhận bài: 23.12.2021

Ngày phản biện khoa học: 16.2.2022

Ngày duyệt bài: 24.2.2022

răng miệng và e ngại đi khám răng miệng, dẫn đến tình trạng tăng nguy cơ mắc thêm vấn đề răng miệng khác.³Theo y văn trên thế giới và trong nước, nhạy cảm ngà liên quan rất nhiều đến sang thương vùng cổ răng, tình trạng tụt lợi và mài mòn mặt răng.⁴

Nhiều biện pháp điều trị nhạy cảm ngà được nghiên cứu và áp dụng trên lâm sàng. Cách điều trị đơn giản và được áp dụng nhiều là cho bệnh nhân điều trị ngoại trú sử dụng các sản phẩm có tác dụng bít kín các ống ngà hoặc ngăn ngừa sự dẫn truyền thần kinh, ngăn được đáp ứng đau. Điều trị phức tạp hơn là thực hiện thủ thuật, phẫu thuật tại phòng khám chuyên khoa RHM.

Trên thế giới đã có nhiều nghiên cứu cơ bản, các thử nghiệm lâm sàng, khảo sát dịch tễ học tình trạng sức khỏe răng miệng, đánh giá các yếu tố nguy cơ, nhu cầu và yêu cầu điều trị, trong đó tình trạng nhạy cảm ngà răng và điều trị nhạy cảm ngà đang rất được quan tâm⁵.

Tại Việt Nam, cũng có một số nghiên cứu về tình trạng nhạy cảm ngà, như Nguyễn Thị Từ Uyên khảo sát trên sinh viên Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh năm 2010⁶, Tống Minh Sơn khảo sát trên cán bộ, công nhân công ty than Thống Nhất, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh năm 2012⁷, và trên nhân viên công ty Bảo hiểm Nhân thọ Hà Nội năm 2013⁸. Năm 2013, Trần Ngọc Phương Thảo đã tiến hành nghiên cứu tình trạng nhạy cảm ngà ở người trưởng thành tại thành phố Hồ Chí Minh thì tỉ lệ nhạy cảm ngà là 85,8%⁹. Kết quả các nghiên cứu đã cho thấy nhạy cảm ngà răng là một tình trạng phổ biến. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu này được thực hiện trên một nhóm đối tượng đặc thù và chủ yếu là xác định tỷ lệ nhạy cảm ngà với một số yếu tố liên quan. Việc đánh giá điều trị nhạy cảm ngà bằng kem chải răng còn ít nghiên cứu.

Xuất phát từ tầm quan trọng, ý nghĩa và thực tế trên chúng tôi thực hiện nghiên cứu này với mục tiêu: *đánh giá hiệu quả điều trị nhạy cảm ngà của kem đánh răng Sensitive Mineral Expert By P/S ở sinh viên Trường Đại học Y Dược – Đại học Quốc Gia Hà Nội.*

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

- Sinh viên Trường Đại học Y Dược – Đại học Quốc Gia Hà Nội
- Tiêu chuẩn lựa chọn:
 - + Là sinh viên trường Đại học Y Dược – Đại học Quốc Gia Hà Nội.
 - + Người không đang mắc các bệnh toàn thân cấp tính hoặc bệnh lý ác tính trong khoang miệng.

+ Người có kết quả khám sàng lọc khẳng định có tình trạng nhạy cảm ngà.

+ Đồng ý, tự nguyện tham gia nghiên cứu.

- Tiêu chuẩn loại trừ:

+ Người đang mắc các bệnh toàn thân cấp tính hoặc bệnh lý ác tính trong khoang miệng.

+ Không đồng ý tự nguyện tham gia nghiên cứu.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Thời gian nghiên cứu: từ 01/12/2021 đến 31/01/2022.

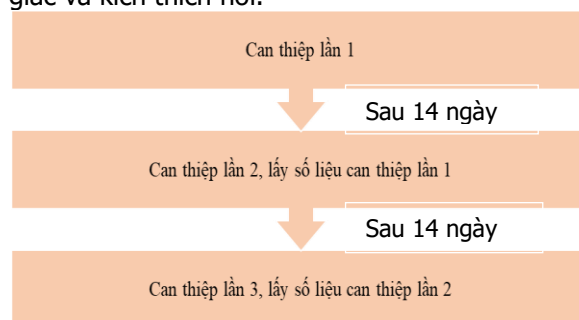
2.2. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu can thiệp lâm sàng không đối chứng nhằm đánh giá hiệu quả điều trị nhạy cảm ngà của kem chải răng Sensitive Mineral by P/S sau 2 tuần và 4 tuần theo dõi.

2.3. Các bước tiến hành:

Bước 1: Khám sàng lọc xác định đối tượng có tình trạng nhạy cảm ngà. Lập danh sách đối tượng nghiên cứu đủ tiêu chuẩn tham gia nghiên cứu.

Bước 2: Tiến hành can thiệp

- Hướng dẫn cách thức chải răng
- + Thời điểm chải răng: chải răng sau ăn sáng và trước khi đi ngủ;
- + Cách thức chải răng: phương pháp chải răng Bass cải tiến;
- + Số lần chải răng trong ngày: tối thiểu 2 lần trong một ngày;
- + Thời gian mỗi lần chải răng: tối thiểu 2 phút/lần;
- + Sau khi chải răng buổi tối dùng đầu ngón tay lấy 1 lượng kem đánh răng nhỏ bằng hạt đậu và mát xa nhẹ nhàng vùng răng ê buốt trong 30 giây.
- Đối tượng nghiên cứu được sử dụng kem đánh răng Sensitive Mineral by P/S giữa các lần tái khám sau 2 tuần, sau 4 tuần đánh giá mức độ nhạy cảm ngà bằng phương pháp kích thích xúc giác và kích thích hơi.



Sơ đồ 2.1. Các bước can thiệp và lấy số liệu

Bước 3: Xử lý và phân tích số liệu. Số liệu được đưa vào làm sạch bằng phần mềm Epi Data 3.2 và xử lý thống kê, phân tích bằng phần mềm Stata 16.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Kết quả giảm nhạy cảm ngà trong quá

trình can thiệp**Bảng 1. Sự thay đổi tỷ lệ ê buốt răng trong quá trình can thiệp**

Thời điểm	Trước điều trị	Sau 2 tuần	Sau 4 tuần
Đối tượng			
n (%)	82(100%)	50(61%)	9(11%)

Bảng 2. Sự thay đổi chỉ số VAS và Yeaple trong quá trình can thiệp

Thời điểm	Trước điều trị (X ± SD)	Sau 2 tuần (X ± SD)	Sau 4 tuần (X ± SD)	P
Đối tượng				
VAS	3,48 ± 1,913	1,07 ± 1,109	0,13 ± 0,409	0,000
Yeaple	49,09 ± 13,611	67,99 ± 10,711	77,56 ± 5,107	0,000

Đối với kích thích luồng hơi, chỉ số VAS trung bình giảm từ mức ê buốt vừa xuống mức ê buốt nhẹ hoặc không ê buốt, sự thay đổi có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

Đối với đo mức độ nhạy cảm bằng dụng cụ Yeaple Probe, mức độ nhạy cảm giảm từ mức ê buốt nhẹ hoặc vừa xuống mức không ê buốt hoặc ê buốt nhẹ, sự thay đổi có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

2. Kết quả giảm nhạy cảm ngà theo nhóm nguyên nhân**Bảng 3. Sự thay đổi mức độ nhạy cảm Yeaple theo các nhóm nguyên nhân**

Thời điểm	Trước can thiệp	Sau 4 tuần	p
Nguyên nhân			
Co lợi	46,65 ± 10,687	70,14 ± 4,879	0,000
Mòn cổ	45,39 ± 14,589	79,65 ± 5,632	0,000
Mòn răng	52,57 ± 16,754	78,96 ± 5,0987	0,000

Các răng nhạy cảm ngà ở cả 3 nhóm nguyên nhân: co lợi, mòn cổ răng, mòn răng đều có sự thay đổi mức độ nhạy cảm theo chỉ số Yeaple từ mức độ nhạy cảm nhẹ hoặc vừa xuống mức không nhạy cảm hoặc nhạy cảm nhẹ, sự thay đổi có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

IV. BÀN LUẬN

Cho đến nay, cơ chế nhạy cảm ngà được chấp nhận rộng rãi nhất là Thuyết thủy động học, giải thích nhạy cảm ngà là do sự dịch chuyển của các chất lỏng tồn tại trong lòng ống ngà (dịch ngà). Dựa trên cơ chế này, các phương pháp điều trị nhạy cảm ngà được đưa ra bao gồm: tăng ngưỡng kích thích thần kinh; làm đông dòng chảy trong ống ngà; bịt các ống ngà. Cơ chế làm giảm nhạy cảm ngà của kem đánh răng Sensitive Mineral Expert By P/S là bịt các ống ngà nhờ thành phần Calci silicate và Sodium phosphat. Nghiên cứu thực nghiệm trên động vật sử dụng hợp chất canxi - phosphat trên bề mặt ngà răng cho thấy các ống ngà tắc đồng nhất và hoàn toàn với một khoáng chất apatit. Trên lát cắt dọc quan sát thấy 50% ống ngà có kết tủa sâu trong lòng ống¹⁰. Các báo cáo lâm sàng đã chỉ ra rằng sau khi điều trị với hợp chất canxi-phosphat có đến 85% bệnh nhân giảm nhạy cảm ngay lập tức và có thể duy trì hiệu quả sau 6 tháng. Nghiên cứu của Trần Ngọc Phương Thảo⁹ đánh giá hiệu quả điều trị nhạy cảm ngà bằng kem đánh răng có hợp chất Calcium sodium phosphat 5% cho kết quả 90% bệnh nhân giảm

p	0,000	0,000
---	-------	-------

Tỷ lệ ê buốt răng sau 2 tuần và sau 4 tuần điều trị bằng kem đánh răng Sensitive Mineral Expert By P/S giảm lần lượt còn 61% và 11%, sự thay đổi có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

nhạy cảm sau 4 tuần điều trị. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi trên 33 bệnh nhân với 82 răng có tình trạng nhạy cảm ngà cho thấy việc điều trị với kem đánh răng Sensitive Mineral Expert By P/S có hiệu quả giảm ê buốt từ sau 2 tuần can thiệp và đặc biệt giảm rõ rệt sau 4 tuần can thiệp. Kết quả này không chỉ dựa trên đánh giá chủ quan của bệnh nhân (phương pháp kích thích luồng hơi - VAS) mà còn dựa trên đánh giá khách quan bằng dụng cụ Yeaple Probe, có mức độ tin cậy cao.

Đối với các nhóm nguyên nhân gây nhạy cảm ngà chủ yếu gồm: co lợi, mòn cổ răng, mòn răng, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy kem đánh răng Sensitive Mineral Expert By P/S có hiệu quả giảm ê buốt răng với cả 3 nhóm nguyên nhân.

V. KẾT LUẬN

Kem đánh răng Sensitive Mineral Expert By P/S có hiệu quả điều trị nhạy cảm ngà rõ rệt sau 4 tuần sử dụng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Addy M, Embery G, Edgar WM, Orchardson R.** Dentine hypersensitivity: definition, prevalence, distribution and aetiology. In: Tooth Wear and Sensitivity. Clinical Advances in Restorative Dentistry. Martin Dunitz; 2000:239-248.
- Canadian Advisory Board on Dentin Hypersensitivity.** Consensus-Based Recommendations for the Diagnosis and Management of Dentin Hypersensitivity. J Can Dent Assoc. 2003;69(4):221-226.
- Boiko. OV, Baker. SR.** Construction and validation

- of the quality of life measure for dentine hypersensitivity (DHEQ). J Clin Periodontol. 2010;37:973-980.
4. **Rees. JS.** The prevalence of dentine hypersensitivity in general dental practice in the UK. J Clin Periodontol. 2000;Phan 27:860-865.
 5. **Bartold P.M. Dentinal hypersensitivity: a review.** Australian Dental Journal. 2006;51(3):212-218.
 6. **Nguyễn Thị Từ Uyên.** Tình trạng quá cảm ngà răng của sinh viên Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh. Published online 2010.
 7. **Tống Minh Sơn.** Nhạy cảm ngà răng ở cán bộ Công ty Than Thống Nhất, tỉnh Quảng Ninh. Tạp chí Nghiên cứu Y học. 2012;80(4):77-80.
 8. **Tống Minh Sơn.** Tình trạng nhạy cảm ngà răng của nhân viên công ty Bảo hiểm Nhân thọ tại Hà Nội. Tạp chí Nghiên cứu Y học. 2013;85(5):31-36.
 9. **Trần Ngọc Phương Thảo.** Mô tả tình trạng, tỷ lệ nhạy cảm ngà và một số yếu tố nguy cơ ở thành phố Hồ Chí Minh. Published online 2013.
 10. **Gandolfi M.G, Silvia F, Gasparotto G.** Calcium silicate coating derived from Portland cement as treatment for hypersensitive dentine. J Dent. 2008;36(8):565-578.

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ PHƯƠNG PHÁP NÚT MẠCH HÓA CHẤT ĐỘNG MẠCH Ở BỆNH NHÂN UNG THƯ BIỂU MÔ TẾ BÀO GAN

Nguyễn Công Long*, Nguyễn Minh Ngọc*

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá hiệu quả điều trị ung thư biểu mô tế bào gan bằng phương pháp nút mạch hóa chất động mạch gan. **Đối tượng và phương pháp:** Tổng số 71 bệnh nhân chẩn đoán ung thư biểu mô tế bào gan được điều trị bằng phương pháp nút mạch hóa chất động mạch gan. **Kết quả:** Tuổi trung bình nhóm nghiên cứu là 60,9 tuổi. Tỷ lệ bệnh nhân có một khối u là 37 bệnh nhân chiếm 52,1%. Nguyên nhân chính gây ung thư biểu mô tế bào gan là viêm gan virus B 62 bệnh nhân chiếm 87,3%. Thời gian sống trung bình của bệnh nhân sau can thiệp nút hóa chất động mạch gan là 4,014 năm. **Kết luận:** Nút hóa chất động mạch gan cho thấy tính hiệu quả và an toàn.

Từ khóa: ung thư biểu mô tế bào gan; nút hóa chất động mạch gan

SUMMARY

EVALUATED EFFECTIVENESS OF TRANSARTERIAL CHEMOEMBOLIZATION FOR HEPATOCELLULAR CARCINOMA

Objectives: We aimed to determine the effect of transarterial chemoembolization for hepatocellular carcinoma. **Methods:** A total of 71 patients with hepatocellular carcinoma treated with transarterial chemoembolization. **Results:** The mean age was 60.9 year. The single tumor accounted for 37 (52.1%). The main cause hepatocellular carcinoma was hepatitis B, 62 patients (87.3%). For overall survival rate of the 71 patients who underwent transarterial chemoembolization were 4.104 years. **Conclusion:** Transarterial chemoembolization treatment can improve overall survival in patients with hepatocellular carcinoma.

Key words: Transarterial chemoembolization; Hepatocellular carcinoma.

*Trung tâm tiêu hóa gan mật bệnh viện Bạch mai

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Công Long

Email: nguyenconglongbvbm@gmail.com

Ngày nhận bài: 24.12.2021

Ngày phản biện khoa học: 18.2.2022

Ngày duyệt bài: 28.2.2022

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ung thư biểu mô tế bào gan là một trong những loại ung thư phổ biến nhất trên thế giới, là loại ung thư có số người mắc đứng thứ 5 ở nam giới và đứng thứ 7 ở nữ giới, nó cũng là một trong ba loại ung thư gây tử vong nhiều nhất trên toàn thế giới[1]. Tuy nhiên tiên lượng của HCC vẫn xấu vì thường phát hiện ở giai đoạn muộn không có khả năng phẫu thuật, và tỷ lệ tái phát trong gan cao ở gan sau 5 năm 79%-80% sau phẫu thuật cắt gan. Nếu phát hiện ở giai đoạn sớm điều trị phẫu thuật cắt gan, ghép gan, đốt sóng cao tần khối u gan (RFA), tiêm cồn khối u (PEI) được xem là những phương pháp điều trị tiết kiệm đối với ung thư gan[2]. Phương pháp nút mạch hóa chất động mạch gan (TACE) được áp dụng lần đầu tiên trong điều trị bệnh nhân HCC năm 1974 do Doyon và cộng sự điều trị cho bệnh nhân HCC không có khả năng phẫu thuật, cho tới nay phương pháp TACE có sử dụng lipiodol vẫn được sử dụng như là một phương pháp cải thiện kéo dài thời gian sống của các bệnh nhân không có chỉ định cắt gan. Trên thế giới có nhiều nghiên cứu đã làm sáng tỏ vai trò của TACE trong điều trị HCC có so sánh với nhóm chứng[2]. Cho tới nay tỷ lệ sống kéo dài ở bệnh nhân được áp dụng TACE chưa được báo cáo ở Việt nam, vì vậy chúng tôi tiến hành nghiên cứu đánh giá thời gian sống của bệnh nhân ung thư gan được điều trị bằng phương pháp TACE sau điều trị.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng: Nghiên cứu 71 bệnh nhân có chẩn đoán ung thư biểu mô tế bào gan dựa trên khám lâm sàng, cận lâm sàng và sinh thiết gan tại trung tâm tiêu hoá gan mật bệnh viện Bạch